

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỆ THỐNG GIÁO DỤC MLA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN HỆ THỐNG GIÁO DỤC MLA  
Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MLA EDUCATION SYSTEM JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: MLA ,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110691984

**3. Ngày thành lập:** 19/04/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 9, Tòa nhà Mitec, Lô E2, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0968942840

Fax:

Email: [lienntk@scotsenglish.vn](mailto:lienntk@scotsenglish.vn)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                 | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại | 8230        |
| 2.  | Giáo dục nhà trẻ                          | 8511        |
| 3.  | Giáo dục mẫu giáo                         | 8512(Chính) |
| 4.  | Giáo dục tiểu học                         | 8521        |
| 5.  | Giáo dục trung học cơ sở                  | 8522        |
| 6.  | Giáo dục trung học phổ thông              | 8523        |
| 7.  | Đào tạo sơ cấp                            | 8531        |
| 8.  | Đào tạo trung cấp                         | 8532        |
| 9.  | Đào tạo cao đẳng                          | 8533        |
| 10. | Đào tạo đại học                           | 8541        |
| 11. | Đào tạo thạc sỹ                           | 8542        |
| 12. | Giáo dục thể thao và giải trí             | 8551        |
| 13. | Giáo dục văn hoá nghệ thuật               | 8552        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 14. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng;<br>- Các dịch vụ dạy kèm (gia sư);<br>- Giáo dục dự bị;<br>- Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém;<br>- Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn;<br>- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;<br>- Dạy đọc nhanh;<br>- Đào tạo kỹ năng sống;<br>- Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng;<br>- Dạy máy tính | 8559 |
| 15. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết:<br>- Tư vấn giáo dục;<br>- Dịch vụ kiểm tra giáo dục;<br>- Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục;<br>- Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục;<br>- Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên;<br>- Dịch vụ tư vấn du học.                                                                                                                                                                                                   | 8560 |
| 16. | Hoạt động của các cơ sở thể thao                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 9311 |
| 17. | Hoạt động thể thao khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 9319 |
| 18. | Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 9321 |
| 19. | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 9329 |
| 20. | Cổng thông tin<br>(Loại trừ: Hoạt động báo báo chí)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 6312 |
| 21. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động phiên dịch.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7490 |
| 22. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4690 |
| 23. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4711 |
| 24. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4719 |
| 25. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4722 |
| 26. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4723 |
| 27. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Loại trừ: Hoạt động đấu giá hàng hóa)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4791 |
| 28. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>(Loại trừ: Hoạt động đấu giá hàng hóa)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4799 |
| 29. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4931 |
| 30. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4932 |

|     |                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 31. | Dịch vụ ăn uống khác<br>Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, trong khoảng thời gian cụ thể. | 5629 |
| 32. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>Chi tiết: Quán cà phê, giải khát.                                                            | 5630 |
| 33. | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm                                   | 7810 |
| 34. | Cung ứng lao động tạm thời                                                                                              | 7820 |
| 35. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động                                                                                      | 7830 |
| 36. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                     | 7990 |
| 37. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                  | 4741 |
| 38. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                               | 4742 |
| 39. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                | 4761 |
| 40. | Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh                              | 4762 |
| 41. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                              | 4763 |
| 42. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                | 4764 |
| 43. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                        | 4771 |
| 44. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                | 4773 |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 500.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông            | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                                     | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | NGUYỄN THỊ<br>KIM LIÊN | P1106, toà<br>CT5ĐN2 đường<br>Trần Hữu Dực,<br>Phường Mỹ Đình<br>2, Quận Nam Từ<br>Liêm, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 250.000       | 2.500.000.000            | 50,000       | 0251820187<br>72                                                                                                       |            |
|     |                        |                                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                                                        | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                                                        | Tổng số                            | 250.000       | 2.500.000.000            | 50,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                                                        |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | NGUYỄN BÁ<br>ĐẠT       | A2 Vinhomes<br>Gardenia Hàm<br>Nghi, Phường<br>Cầu Diễn, Quận<br>Nam Từ Liêm,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam         | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 225.000       | 2.250.000.000            | 45,000       | 0250830009<br>39                                                                                                       |            |
|     |                        |                                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                                                        | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                                                        | Tổng số                            | 225.000       | 2.250.000.000            | 45,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                                                        |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |              |                                                                                                       |                           |        |             |       |              |
|---|--------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|-------|--------------|
| 3 | LÊ THỊ TRANG | P0205, Tòa CT4, V6 Khu nhà ở xã hội Phú Lãm, Phường Phú Lãm, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 25.000 | 250.000.000 | 5,000 | 036187010918 |
|   |              |                                                                                                       | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000 |              |
|   |              |                                                                                                       | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000 |              |
|   |              |                                                                                                       | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000 |              |
|   |              |                                                                                                       | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000 |              |
|   |              |                                                                                                       | Tổng số                   | 25.000 | 250.000.000 | 5,000 |              |
|   |              |                                                                                                       |                           |        |             |       |              |

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ KIM LIÊN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 21/11/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 025182018772

Ngày cấp: 13/08/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Tổ 22, Xóm Mộ Thượng, Phường Bạch Hạc, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: P1106, toà CT5ĐN2 đường Trần Hữu Dục, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội